

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI

Số 56 đường Lê Lợi, Phường Hội Thương, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (0269) 3823 154

Fax: (0269) 3823 666

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900182111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp
đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26/04/2018)



Bản Thông tin tóm tắt này được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI

Số nhà 56 đường Lê Lợi, Phường Hội Thương, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (0269) 3823 154

Fax: (0269) 3823 666

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Tel: (028) 6299 2006

Fax: (028) 6291 7986

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Nguyễn Thái Bình – Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Số 56 đường Lê Lợi, Phường Hội Thương, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (0269) 3823 154

Fax: (0269) 3823 666

MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM.....	3
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	8
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	9
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:.....	11
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	12
6.	Hoạt động kinh doanh.....	12
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	17
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	19
9.	Chính sách đối với người lao động.....	20
10.	Chính sách cổ tức.....	22
11.	Tình hình tài chính	22
12.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)	30
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	31
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch	33
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	33
16.	Các thông tin lưu ý về ý kiến của Kiểm toán viên đối với BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty	33
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	34
1.	Hội đồng quản trị	34
2.	Ban kiểm soát.....	40
3.	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	45
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	45
IV.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	46
V.	PHỤ LỤC.....	46

CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Tổ chức đăng ký giao dịch, COMEXIM	Công ty Cổ phần Thương mại Gia Lai
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
CTĐC	Công ty đại chúng
Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)
TP	Thành phố
VĐL	Vốn điều lệ
SLCP	Số lượng cổ phiếu

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI**

Tên tiếng Anh: **GIA LAI TRADING JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **COMEXIM GIA LAI**


Ngày trở thành CTĐC: Ngày 15/10/2007

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Thái Bình – Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Đức Duy - Tổng Giám đốc

Trụ sở chính: Số 56 đường Lê Lợi, Phường Hội Thương, Thành phố Pleiku,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số điện thoại: (0269) 3 823 154 - Số Fax: (0269) 3 823 666

Website: www.comexim.com.vn

Logo: 

VĐL đăng ký: 18.800.000.000 đồng.

VĐL thực góp: 18.800.000.000 đồng.

Giấy CN ĐKDN: Số 5900182111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp
đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13
ngày 26/04/2018.

Ngành nghề SXKD chính: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (*Chi tiết:
Kinh doanh vật tư, phân bón phục vụ cho sản xuất lâm nghiệp;
Kinh doanh giấy các loại và vật tư phụ liệu ngành giấy*) – Mã
ngành: 4669

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu CTCP Thương mại Gia Lai
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: CGL
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.880.000 cổ phiếu.
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch (tính theo mệnh giá): 18.800.000.000 đồng.

- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch là 705.459 cổ phần (chiếm 37,52% vốn điều lệ), theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Công ty: "Trong thời gian đương nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm không được chuyển nhượng cổ phần của mình, trừ những trường hợp đặc biệt được Hội đồng quản trị đồng ý. Thành viên Hội đồng quản trị có nhu cầu chuyển nhượng sẽ không được tham gia biểu quyết khi Hội đồng quản trị biểu quyết vấn đề này."
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty đã xác định danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty so với các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
- Tại thời điểm 31/08/2020, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn	Sự kiện tiêu biểu
Từ năm 2004 trở về trước	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ phần Thương mại Gia Lai tiền thân là Công ty Thương mại Gia Lai (doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai sở hữu 100% vốn). • Theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 09/06/2002 về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty Thương mại Gia Lai đã thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 1504/QĐ-CT ngày 02/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. • Ngày 28/12/2004, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập CTCP Thương mại Gia Lai. • Ngày 30/12/2004, CTCP Thương mại Gia Lai chính thức thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 30/12/2004 với vốn điều lệ là 10.700.700.000 đồng.

Giai đoạn	Sự kiện tiêu biểu
2005 - 2009	<ul style="list-style-type: none">Công ty Cổ phần Thương mại Gia Lai được thừa hưởng và kế thừa toàn bộ những giá trị, truyền thống và văn hoá của Công ty Thương mại Gia Lai. Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục phát triển, không ngừng mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động, góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của đất nước.Tháng 05/2007, Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ quản lý và người lao động để tăng vốn từ 10.700.700.000 đồng lên 15.700.700.000 đồng.Tháng 11/2009, Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và người lao động để tăng vốn từ 15.700.700.000 đồng lên 18.800.000.000 đồng.
2010 - nay	<ul style="list-style-type: none">Kể từ năm 2010, Công ty hoạt động với quy mô vốn là 18.800.000.000 đồng.Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900182111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 26/04/2018 với vốn điều lệ là 18.800.000.000 đồng.

1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 30/12/2004, Công ty đã trải qua các đợt tăng vốn như sau:

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
12/2004				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy CN ĐKKD số 3903000048 do Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 30/12/2004.
05/2007	5.000.000.000	15.700.700.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (30.000 cổ phiếu), cán bộ quản lý (10.000 cổ phiếu) và người lao động (10.000 cổ phiếu). Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2006 ngày 30/03/2007; - Báo cáo kết quả phát hành ngày 02/05/2008; - Giấy CN ĐKKD số 3903000048 cấp lần đầu ngày 30/12/2004, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 01/06/2007.
11/2009	3.099.300.000	18.800.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20:3 (235.511 cổ phiếu) và người lao động (74.419 cổ phiếu). Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 ngày 28/03/2009; - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 437/UBCK-GCN ngày 26/10/2009 của UBCKNN; - Báo cáo kết quả phát hành ngày 02/12/2009; - Giấy CN ĐKKD số 5900182111 (thay cho số 3903000048) cấp lần đầu ngày 30/12/2004, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 12/12/2009.

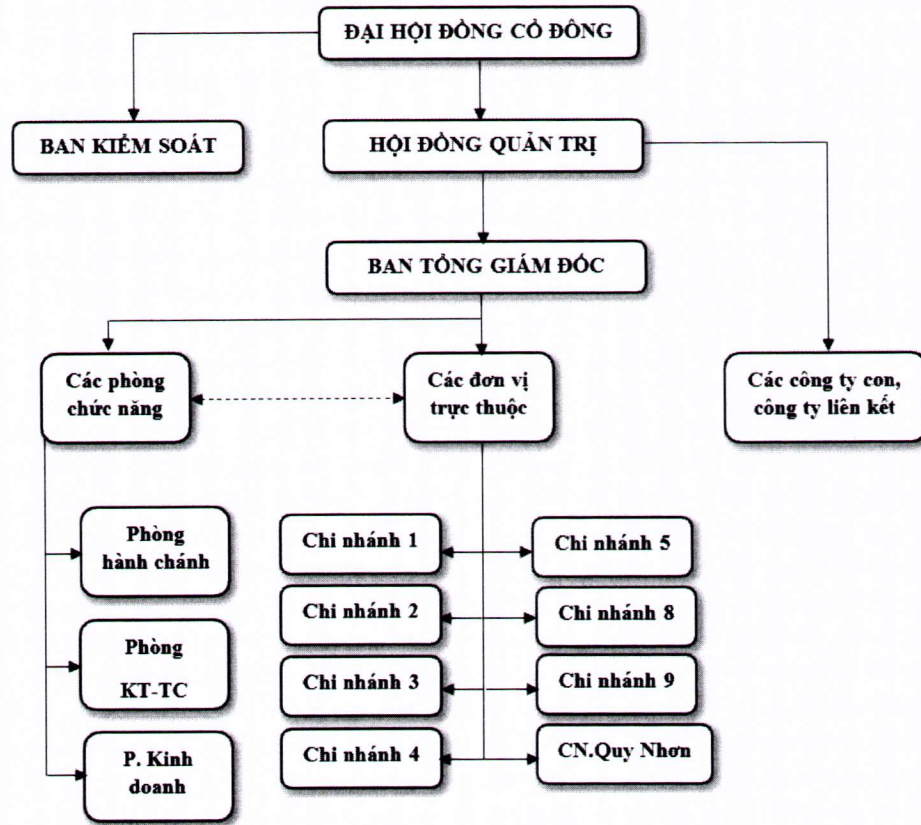
Nguồn: COMEXIM.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Stt	Tên đơn vị	Địa điểm
I	Trụ sở chính	
1	CTCP Thương mại Gia Lai	Số 56 Lê Lợi, P.Hội Thương, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
II	Các đơn vị trực thuộc	
1	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai số 1	Số 469 Nguyễn Chí Thanh, P.Thắng Lợi, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
2	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai số 2	
3	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai số 3	Số 110 Nguyễn Chí Thanh, P.Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
4	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai số 8	
5	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai số 9	
6	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai số 4	Số 56 Lê Lợi, P.Hội Thương, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
7	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai số 5	Số 167 Hùng Vương, P.Hội Thương, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
8	Chi nhánh CTCP Thương mại Gia Lai tại thành phố Quy Nhơn	Lô A7, Cụm CN Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
III	Công ty con	
1	Công ty TNHH MTV Comexim Chư Sê	Số 396 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư sê, Tỉnh Gia Lai.
IV	Công ty liên kết	
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Gia Lai	Số 21 Cách Mạng Tháng Tám, P.Hoa Lư, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Nguồn: COMEXIM.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Nguồn: COMEXIM.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với các nhiệm vụ chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra có tối đa 08 thành viên và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Các ủy viên Hội đồng quản trị.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát bao gồm: Trưởng ban kiểm soát; Các thành viên Ban kiểm soát.

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng giám đốc Công ty bao gồm: Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

3.5 Các phòng ban chức năng

Hiện nay, Công ty có 03 phòng ban chức năng gồm Phòng Hành chính, Phòng Kế toán – Tài chính và Phòng kinh doanh. Theo đó, các phòng ban chức năng của Công ty có trách nhiệm cụ thể như sau:

- **Phòng hành chính:** Là đơn vị nghiệp vụ tổng hợp, tham mưu Tổng giám đốc công tác tổ chức, quản trị nhân sự, chế độ chính sách có liên quan đến người lao động, quản trị hành chính của toàn Công ty, vừa trực tiếp quản trị nhân sự, hành chính ở Văn phòng Công ty.
- **Phòng kế toán - tài chính:** Là đơn vị quản lý chức năng nghiệp vụ chuyên ngành, giúp Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành về công tác kế toán, tài chính; trong lĩnh vực công nghệ thông tin để đảm bảo hoạt động của Công ty luôn đạt hiệu quả cao và phù hợp với đặc điểm SXKD của Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật.
- **Phòng kinh doanh:** Là đơn vị quản lý nghiệp vụ, tham mưu Tổng giám đốc trong công tác kinh doanh, công tác kế hoạch, khai thác sản phẩm dịch vụ mới, đề xuất các chính sách giá, chính sách khuyến mãi, quảng cáo, nghiên cứu phát triển thị trường, khách hàng,... nhằm tăng quy mô, hiệu quả hoạt động của Công ty, phù hợp với năng lực, chiến lược phát triển của Công ty, quy định của pháp luật.

3.6 Các chi nhánh

Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc, vừa thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc Tổng giám đốc trong việc hoạch định chiến lược phát triển của Chi nhánh, vừa tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh đối với từng lĩnh vực, ngành/nhóm hàng cụ thể trên cơ sở các định mức kinh tế, kỹ thuật đã được Tổng giám đốc phê duyệt, kế hoạch kinh doanh được giao hàng năm và các yêu cầu khác của Công ty để hoạt động kinh doanh của Chi nhánh đạt hiệu quả ngày càng cao. Lĩnh vực, ngành/nhóm hàng cụ thể của từng Chi nhánh do Tổng giám đốc quyết định.

3.7 Công ty con, công ty liên kết

Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

- Công ty con: Công ty TNHH MTV Comexim Chư Sê (do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ). Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán mô tô, xe máy và phụ tùng; Bán buôn hàng nông, lâm sản; Bán buôn và bán lẻ các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng gia đình;...
 - Công ty liên kết: Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Gia Lai (do Công ty sở hữu 30% vốn điều lệ). Ngành nghề kinh doanh chính là bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/08/2020 như sau:

Stt	Cổ đông	CMT/CCCD	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Lê Đức Duy	230297458	29 KpakLon, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai	107.804	5,73%
2	Nguyễn Thanh Dương	023068502	Căn hộ Riviera Point, tháp 3, nhà 22-02 số 02 Nguyễn Văn Trường, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	140.028	7,45%
3	Nguyễn Thái Bình	230007833	26 Lương Thạnh, Tp.Pleiku, Gia Lai	167.302	8,90%
4	Hồ Đắc Thị Công Dung	230367448	21 Ngô Gia Tự, Tp.Pleiku, Gia Lai	169.875	9,04%
TỔNG CỘNG				585.009	31,12%

Nguồn: Danh sách cổ đông của COMEXIM ngày 31/08/2020.

4.2. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Thương mại Gia Lai chính thức thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/08/2020 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	153	1.880.000	100%
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	153	1.880.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	153	1.880.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của COMEXIM ngày 31/08/2020.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

5.1. Công ty con:

Tên Công ty:	Công ty TNHH MTV Comexim Chư Sê
Tên viết tắt:	COMEXIM Chư Sê
Trụ sở chính:	396 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai
Vốn điều lệ	3.000.000.000 đồng
Vốn góp của COMEXIM:	COMEXIM góp 3.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.
Giấy Chứng nhận ĐKDN:	Số 5900491399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 08/12/2008, thay đổi lần thứ 04 ngày 26/04/2018
Ngành nghề KD chính:	Mua bán mô tô, xe máy và phụ tùng; Bán buôn hàng nông, lâm sản; Bán buôn và bán lẻ các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng gia đình;...

5.2. Công ty liên kết:

Tên Công ty:	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Gia Lai
Tên viết tắt:	SAGIACO
Trụ sở chính:	21 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Vốn điều lệ	35.000.000.000 đồng
Vốn góp của COMEXIM:	COMEXIM góp 10.500.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.
Giấy CN ĐKDN:	Số 5900368395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 11/01/2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 25/12/2018
Ngành nghề KD chính:	Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.

- 5.3. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với COMEXIM: Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

CTCP Thương mại Gia Lai hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Sản phẩm được Công ty phân phối rất phong phú và đa dạng bao gồm: vật tư, phân bón phục vụ cho sản xuất nông lâm nghiệp; ô tô, mô tô, xe máy và phụ tùng; xăng, dầu; lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng gia đình ... Về dịch vụ, Công ty đang khai thác kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi. Cụ thể như sau:

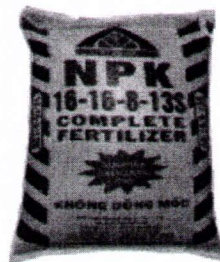
6.1.1. Hoạt động thương mại

➤ **Thị trường nội địa:**

Với mạng lưới kinh doanh rộng khắp các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh miền Trung, miền Đông và Tây Nam Bộ, cùng khả năng tổ chức tốt hệ thống phân phối hàng hóa, COMEXIM được đánh giá là một trong những công ty có quy mô lớn và uy tín trong lĩnh vực thương mại ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Hiện nay, COMEXIM đang tập trung vào 03 nhóm sản phẩm chính là:

- Mặt hàng phân bón : sản phẩm phân bón NPK của các nhà sản xuất trong nước như Việt Nhật, Bình Điền, Phú Mỹ, ... chiếm tỷ trọng lớn.
- Các mặt hàng tiêu dùng: gồm nhiều ngành/nhóm hàng. Trong đó các sản phẩm phân phối của Unilever, Masan, Vinamilk, Vedan, Interfood,...chiếm tỷ trọng lớn.
- Dầu nhớt Castrol, Xe gắn máy nhãn hiệu SYM và phụ tùng.

Hình ảnh một số sản phẩm phân bón:



Hình ảnh các mặt hàng tiêu dùng:



Các sản phẩm của Unilever Việt Nam



Các sản phẩm của Tập đoàn Masan



Các sản phẩm của Vinamilk

Hình ảnh xe gắn máy và dầu nhớt:



Xe gắn máy SYM



Dầu nhớt Castrol

Nguồn: COMEXIM

➤ Thị trường xuất khẩu:

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Công ty bao gồm các sản phẩm như: bánh kẹo, phân bón, hàng tiêu dùng thiết yếu,... Đây cũng là các sản phẩm mà Công ty hợp tác phân phối với các nhà sản xuất tiêu dùng lớn tại Việt Nam như: Unilever, Masan, Vinamilk, Vedan, Interfood,...

➤ Hoạt động bán lẻ

Để thâm nhập, đầu tư và phát triển hệ thống bán lẻ, Công ty đã liên doanh với SaiGon Co.op để đầu tư xây dựng siêu thị Co.op Mart Pleiku. Co.op Mart Pleiku được đánh giá là siêu thị tốt nhất của Tỉnh Gia Lai. Mô hình kinh doanh bán hàng qua hệ thống siêu thị là mô hình kinh doanh bán hàng tiêu dùng nhiều tiềm năng, phù hợp với cuộc sống ngày càng hiện đại của người dân và phù hợp với định hướng phát triển của COMEXIM.



Nguồn: COMEXIM

6.1.2. Hoạt động dịch vụ

Dựa trên lợi thế về hệ thống kho bãi, COMEXIM còn có khả năng cung cấp dịch vụ kho bãi trọn gói thông qua hệ thống kho bãi tại khu công nghiệp Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn. Với lợi thế gần cảng Quy Nhơn, hệ thống kho bãi này rất thuận tiện cho việc bảo quản, lưu kho và trung chuyển hàng hóa các loại, đặc biệt là hàng hóa xuất nhập qua cảng Quy Nhơn.



Nguồn: COMEXIM.

6.2. Kết quả kinh doanh đối với các lĩnh vực hoạt động của Công ty

6.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần đối với các lĩnh vực hoạt động

❖ Cơ cấu doanh thu thuần theo BCTC riêng

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2018		Năm 2019		% (+/-)	9T.2020	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Bán hàng hóa	845.900	99,54%	806.510	99,63%	(4,66%)	556.677	98,85%
Cung cấp dịch vụ	3.950	0,46%	3.086	0,38%	(21,87%)	6.488	1,15%
Tổng cộng	849.850	100%	809.596	100%	(4,74%)	563.165	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Cơ cấu doanh thu thuần theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2018		Năm 2019		% (+/-)	9T.2020	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Bán hàng hóa	992.581	99,63%	956.118	99,71%	(3,67%)	675.318	99,08%
Cung cấp dịch vụ	3.668	0,37%	2.804	0,29%	(23,56%)	6.276	0,92%
Tổng cộng	996.249	100%	958.922	100%	(3,75%)	681.594	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

Trong năm 2019, sức mua thị trường thấp, cạnh tranh ngày càng khốc liệt, cùng đó là các nhà sản xuất đang chủ động cắt giảm chi phí trong đầu tư và yêu cầu nhà phân phối phải đầu tư nhiều hơn, do đó doanh thu thuần năm 2019 của Công ty đạt 958,92 tỷ đồng, giảm 3,75% so với năm 2018. Trong đó, doanh thu hoạt động thương mại đạt 956,12 tỷ đồng, giảm 3,67%, và doanh thu hoạt động dịch vụ đạt 2,80 tỷ đồng, giảm 23,56%.

Trong 9 tháng năm 2020, doanh thu của Công ty đạt 681,59 tỷ đồng trong đó hoạt động kinh doanh hàng hóa vẫn là mảng chủ lực đem lại hơn 99% doanh thu cho Công ty, trong khi hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ chiếm dưới 1% trong cơ cấu doanh thu.

6.2.2. Chi phí hoạt động kinh doanh

❖ Chi phí hoạt động kinh doanh theo BCTC riêng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí hoạt động	Năm 2018		Năm 2019		% (+/-)	9T.2020	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	810.310	95,35%	767.826	94,84%	(5,24%)	533.437	94,72%
Chi phí bán hàng	31.092	3,66%	31.575	3,90%	1,56%	21.212	3,77%
Chi phí QLDN	15.771	1,86%	14.921	1,84%	(5,39%)	10.838	1,92%
Chi phí tài chính	5.793	0,68%	13.311	1,64%	129,79%	4.637	0,82%
Tổng cộng	862.966	101,54%	827.634	102,23%	(4,09%)	570.124	101,23%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Chi phí hoạt động kinh doanh theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí hoạt động	Năm 2018		Năm 2019		% (+/-)	9T.2020	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	951.656	95,52%	911.869	95,09%	(4,18%)	647.839	95,05%
Chi phí bán hàng	35.486	3,56%	36.193	3,77%	1,99%	24.542	3,60%
Chi phí QLDN	17.506	1,76%	16.804	1,75%	(4,01%)	12.282	1,80%
Chi phí tài chính	5.793	0,58%	7.195	0,75%	24,21%	4.637	0,68%
Tổng cộng	1.010.441	101,42%	972.062	101,37%	(3,80%)	689.300	101,13%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

Nhìn chung, tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu thuần luôn vượt trên mức 100% trong giai đoạn 2018 – 2019. Cụ thể, tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu thuần năm 2018 là 101,42% và tỷ lệ này trong năm 2019 là 101,37%.

Xét về cơ cấu, giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ trên doanh thu thuần lớn nhất, trên 95%, do đặc thù của hoạt động kinh doanh thương mại. Tiếp đến là nhóm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (chủ yếu là chi phí nhân viên bán hàng, chi phí nhân viên quản lý và chi phí dịch vụ mua ngoài) duy trì ổn định quanh mức 5,4% doanh thu thuần. Còn lại là chi phí tài chính (toàn bộ là chi phí lãi vay) chiếm tỷ lệ trên doanh thu thuần không đáng kể, tuy nhiên có xu hướng tăng từ mức 0,58% trong năm 2018 lên mức 0,75% trong năm 2019. Nguyên nhân đến từ tổng dư nợ bình quân trong năm 2019 (120 tỷ đồng) cao hơn năm 2018 (112 tỷ đồng) do Công ty vay thêm nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động.

Trong 9 tháng năm 2020, tỷ lệ tổng chi phí trên doanh thu thuần là 101,13%. Trong đó các khoản mục chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chỉ có chi phí quản lý doanh nghiệp là xấp xỉ năm 2019. Đây là dấu hiệu cho thấy hiệu quả kinh doanh của năm 2020 sẽ tốt lên so với các năm trước.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 và năm 2019

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo BCTC riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% (+/-)	9T.2020
1	Tổng giá trị tài sản	229.591	198.795	(13,41%)	198.497
2	Vốn chủ sở hữu	68.302	63.051	(7,69%)	65.822
3	Doanh thu thuần	849.850	809.596	(4,74%)	563.165
4	Lợi nhuận từ HĐKD	(8.700)	(12.945)	48,79%	(3.490)
5	Lợi nhuận khác	16.207	10.760	(33,61%)	6.680
6	Lợi nhuận trước thuế	7.507	(2.185)	(129,10%)	3.189
7	Lợi nhuận sau thuế	6.275	(2.571)	(140,97%)	2.771
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	36.331	33.538	(7,69%)	35.012

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% (+/-)	9T.2020
1	Tổng giá trị tài sản	235.264	204.754	(12,97%)	205.902
2	Vốn chủ sở hữu	67.879	64.416	(5,10%)	66.621
3	Doanh thu thuần	996.249	958.922	(3,75%)	681.594
4	Lợi nhuận từ HĐKD	(14.331)	(14.079)	(1,75%)	(6.206)
5	Lợi nhuận khác	19.309	14.225	(26,33%)	9.155
6	Lợi nhuận trước thuế	4.979	146	(97,07%)	2.949
7	Lợi nhuận sau thuế	3.425	(586)	(117,11%)	2.273
8	LNST của Công ty mẹ	3.425	(586)	(117,11%)	2.273
9	LNST của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-
10	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	36.106	34.264	(5,10%)	35.437

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM
 Tại thời điểm ngày 31/12/2019, tổng tài sản của COMEXIM đạt 204,75 tỷ đồng, giảm 30,51 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2018. Nguyên nhân chính đến từ khoản phải thu ngắn hạn giảm 10,98 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm 15,04 tỷ đồng và khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết giảm 4,38 tỷ đồng (do kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết lỗ trong năm 2019).

Trong năm 2019, hoạt động kinh doanh của COMEXIM gặp nhiều khó khăn và thách thức do sự thay đổi của thị trường về nhu cầu tiêu dùng, thói quen mua sắm và sự phát triển của các kênh bán hàng hiện đại. Do đó, doanh thu thuần năm 2019 của COMEXIM đã giảm 3,75% so với năm 2018.

Ngoài ra, do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là thương mại, do đó hàng năm Công ty luôn nhận được một khoản thưởng doanh số, khuyến mãi và hỗ trợ từ nhà cung cấp, đây được xem là khoản lợi nhuận chính của Công ty. Tuy nhiên, năm 2019 do tất cả lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều không đạt được kế hoạch, hàng tiêu dùng hiệu quả thấp, một số mặt hàng như Castrol, dầu ăn, bột ngọt bị lỗ, phân bón và xe máy kinh doanh không hiệu quả do đó lợi nhuận khác đến từ nhà cung cấp giảm 26,33%.

Đối với công ty con COMEXIM Chư Sê, trong năm 2019 Công ty đã hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra, tuy nhiên một số ngành hàng vẫn tăng trưởng âm, giảm mạnh so với năm 2018. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh năm 2019 của công ty liên kết cũng chưa ghi nhận sự khả quan. Theo đó, lợi nhuận của Co.opMart Pleiku tiếp tục giảm sâu, chỉ đạt 63,92% kế hoạch, giảm gần 66% so với năm 2018, trong khi hoạt động kinh doanh của Co.opMart Chư Sê vẫn chưa hiệu quả, khoản lỗ năm 2019 dù thấp hơn kế hoạch dự kiến nhưng vẫn còn rất lớn (khoảng 12,76 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, các nhà sản xuất luôn có sự thay đổi về các chính sách bán hàng, chiết khấu, thường xuyên chủ động cắt giảm chi phí trong đầu tư và yêu cầu nhà phân phối phải đầu tư nhiều hơn từ đó làm tăng chi phí bán hàng, giảm thu nhập của Công ty. Theo đó, lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty năm 2019 lần lượt giảm 97,07% và 117,11% so với năm 2018.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Thành phố Pleiku là đô thị phía Bắc Tây Nguyên, nằm trên trục giao thông giữa quốc lộ 14, quốc lộ 19 nối thông suốt cả nước, gần ngã ba Đông Dương, nằm trên cung đường Hồ Chí Minh và trong vùng tam giác tăng trưởng với các tỉnh lân cận và các quốc gia láng giềng như Campuchia, Lào. Tổng diện tích tự nhiên là 26.166,36 ha, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh Gia Lai. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói chung và của COMEXIM nói riêng.

Hiện tại, COMEXIM là một trong những Công ty có quy mô lớn và uy tín trong lĩnh vực thương mại ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Với mạng lưới kinh doanh rộng khắp các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh Miền Trung, các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ cùng hệ thống sản phẩm kinh doanh đa dạng, phong phú và đảm bảo chất lượng nên thị phần và doanh thu hàng năm của COMEXIM ngày càng tăng. Hiện tại, COMEXIM đã có cung cấp hàng hóa cho hơn 2.200 điểm bán hàng, cửa hàng trên toàn tỉnh và đang vươn tới những thị trường mới như Đắk Lắk, Kom Tum,...

Với hơn 40 năm kinh nghiệm cùng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, trung thực và năng động, sự chuyên môn hóa cao cho từng sản phẩm, hệ thống kho bãi tốt đã đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của các nhà sản xuất đồng thời giúp COMEXIM mở rộng quy mô hoạt động và tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp kinh doanh trong cùng ngành.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Tính đến tháng 7 năm 2020, dân số của Việt Nam là hơn 97,5 triệu dân, đứng thứ 15 trên thế giới với tốc độ tăng trưởng dân số trung bình 1,1%/năm. Khi mà nền kinh tế vận hành ổn định, tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng, ước đạt 45 triệu người vào năm 2025 đồng thời cũng là tầng lớp chi tiêu cao nhất, do đó ngành thương mại sẽ tiếp tục là thị trường tiềm năng cho các Công ty trong ngành nói chung và COMEXIM nói riêng.

Nhu cầu phân bón Việt Nam hiện đang ở mức gần 11 triệu tấn/năm, với lượng sử dụng trung bình khoảng 450 kg chất dinh dưỡng trên 01 hecta đất canh tác, cao gấp 3,2 lần trung bình thế giới. Nhu cầu phân bón Việt Nam kỳ vọng tăng trưởng khoảng 1,6%/năm từ 2019 – 2023, với các yếu tố hỗ trợ như: 1) sản xuất nông nghiệp Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong 5 năm tới: lúa gạo (+1%/năm), ngũ cốc (+2%/năm), cà phê (+1,7%/năm); 2) Tốc độ tăng trưởng tiêu thụ phân bón trên một hecta đất canh tác đạt 5,1%/năm trong 5 năm gần đây, cao hơn nhiều so với thế giới (0,6%/năm); 3) tiêu thụ phân bón thế giới tăng trưởng với tốc độ trung bình 1,3%/năm trong 5 năm tới, động lực tăng trưởng một phần đến từ các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, Gia Lai là vùng đất có có ưu thế về thổ nhưỡng, thời tiết thuận lợi cho phát triển các loại cây công nghiệp như cao su, cafe, hồ tiêu, cây lâm sản đa dạng. Vì vậy nhu cầu về phân bón ở trên địa bàn sẽ ngày càng tăng theo yêu cầu sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai cũng như trên cả nước.

Mục tiêu của Việt Nam sẽ đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế hơn so với các nước khác, đó là mặt hàng nông sản thực phẩm như lúa gạo, cafe, hồ tiêu,... Khi nông nghiệp phát triển, nhu cầu tiêu thụ các loại phân bón nhằm hỗ trợ quá trình sản xuất nông nghiệp sẽ tăng, điều này sẽ tạo điều kiện kinh doanh cho những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mặt hàng phân bón nói chung và của COMEXIM nói riêng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số lượng lao động trong Công ty là 286 người, giảm 5,61% so với số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2018 (303 người), cụ thể như sau:

Stt	Trình độ lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ
-	Trình độ đại học và trên đại học	57	19,93%
-	Trình độ cao đẳng, trung cấp	45	15,73%
-	Lao động phổ thông	184	64,34%
	Tổng cộng	286	100%

Nguồn: COMEXIM.

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

✚ Chính sách nhân sự chung:

- Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.
- Công tác đào tạo được Công ty coi trọng, Công ty thường xuyên mở các khóa đào tạo ngắn ngày giúp cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên làm việc. Cụ thể, hàng năm Công ty tổ chức thăm hỏi cán bộ công nhân viên có việc ma chay, hiếu, hỷ; đến thăm và vận động quyên góp giúp đỡ cho các gia đình cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn,... . Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức tham quan, học tập, tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao... nhằm giúp nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

✚ Chính sách lương thưởng:

- Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.
- Công ty thực hiện chế độ nâng lương hàng năm cho CBCNV và quan tâm thường xuyên đến việc cải thiện, nâng cao thu nhập, đời sống CBCNV.
- Việc khen thưởng thực hiện thường xuyên, kịp thời đã khuyến khích, động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tinh cạnh tranh của Công ty.
- Mức thu nhập bình quân trong năm 2019 của Công ty là 9.017.043 đồng/người/tháng.

✚ Chính sách đào tạo phát triển:

Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc nhằm mục đích:

- + Cập nhật kiến thức mới cho nhân viên, giúp nhân viên áp dụng thành công khi có các thay đổi về công nghệ trong doanh nghiệp;
- + Khuyến khích, động viên nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân viên;
- + Đào tạo nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công việc, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị kiến nghị và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức (% mệnh giá) của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức	Tình hình chi trả cổ tức
2018	25%	Tiền mặt	Đã thanh toán cổ tức đợt 1 ngày 30/01/2019 với tỷ lệ 15%, cổ tức đợt 2 ngày 09/05/2019 với tỷ lệ 10%.
2019	12%	Tiền mặt	Đã thanh toán cổ tức ngày 20/01/2020 với tỷ lệ 12%.

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 27/04/2019 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 30/05/2020 của COMEXIM.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 8 năm

Tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Phần mềm kế toán	05 năm

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ. Hiện nay, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/09/2020 như sau:

❖ Theo báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	2.485	11.612	5.014
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.916	178.500	397.060
3	Thuế thu nhập cá nhân	20.174	72.336	-
TỔNG CỘNG		686.575	262.448	402.074

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	2.485	316.116	166.578
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	934.987	258.461	574.856
3	Thuế thu nhập cá nhân	32.968	92.574	5.696
TỔNG CỘNG		970.440	667.151	747.130

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/09/2020 của Công ty như sau:

❖ Theo báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.267	16.267	16.267
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(702)	(1.228)	(1.837)
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.700	(1.551)	1.220
TỔNG CỘNG		19.265	13.488	15.650

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.328	16.328	16.328
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(864)	(1.366)	(2.019)
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.216	(247)	1.958
TỔNG CỘNG		18.680	14.716	16.267

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

11.1.5. Tổng dư nợ vay

Công ty luôn trả vốn gốc và lãi vay đúng hạn. Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/09/2020 như sau:

❖ Theo báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Nợ vay ngắn hạn	126.232	113.849	108.410
-	Vietcombank – CN Gia Lai	29.433	38.423	35.970
-	Agribank – CN Gia Lai	59.246	39.156	37.380
-	Vietinbank – CN Gia Lai	31.414	20.484	34.119
-	MBBank – CN Gia Lai	5.004	14.883	-
-	Vay cá nhân	1.135	902	942
2	Nợ vay dài hạn	-	-	-
TỔNG CỘNG		126.232	113.849	108.410

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Nợ vay ngắn hạn	126.232	113.849	108.410
	- Vietcombank – CN Gia Lai	29.433	38.423	35.970
	- Agribank – CN Gia Lai	59.246	39.156	37.380
	- Vietinbank – CN Gia Lai	31.414	20.484	34.119
	- MBBank – CN Gia Lai	5.004	14.883	-
	- Vay cá nhân	1.135	902	942
2	Nợ vay dài hạn	-	-	-
	TỔNG CỘNG	126.232	113.849	108.410

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

11.1.6. Tình hình công nợ

❖ Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu theo BCTC riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	69.321	54.885	57.464
1	Phải thu khách hàng	47.723	33.869	36.503
2	Trả trước cho người bán	600	1.077	1.046
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	12.000	10.000	11.500
4	Phải thu khác	8.982	9.924	8.400
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	15	15	15
II	Các khoản phải thu dài hạn	2.804	2.804	2.804
1	Phải thu dài hạn khác	2.804	2.804	2.804
	Tổng cộng	72.125	57.689	60.268

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

- Các khoản phải thu theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	59.133	48.147	47.772
1	Phải thu khách hàng	48.135	35.425	37.154
2	Trả trước cho người bán	681	1.270	1.085
3	Phải thu khác	10.302	11.437	9.519
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	15	15	15
II	Các khoản phải thu dài hạn	3.152	3.152	3.152
1	Phải thu dài hạn khác	3.152	3.152	3.152
	Tổng cộng	62.285	51.299	50.924

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Các khoản phải trả

- Các khoản phải trả theo BCTC riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Nợ ngắn hạn	160.941	135.444	132.260
1	Phải trả người bán ngắn hạn	26.851	17.304	22.628
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2	300	6
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	687	262	402
4	Phải trả người lao động	2.330	2.399	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	188	256	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.354	2.302	2.650
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	126.232	113.848	108.410
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(702)	(1.228)	(1.837)
II	Nợ dài hạn	348	300	416
1	Phải trả dài hạn khác	348	300	416
	Tổng cộng	161.289	135.744	132.676

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

- Các khoản phải trả theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Nợ ngắn hạn	167.038	140.038	138.866
1	Phải trả người bán ngắn hạn	32.522	21.362	28.954
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2	300	6
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	970	667	747
4	Phải trả người lao động	2.570	2.627	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	188	256	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.417	2.344	2.767
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	126.232	113.849	108.410
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(864)	(1.366)	(2.019)
II	Nợ dài hạn	348	300	416
1	Phải trả dài hạn khác	348	300	416
	Tổng cộng	167.386	140.338	139.282

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

11.1.7. Hàng tồn kho

❖ Theo báo cáo tài chính riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Hàng hóa	94.704	83.438	85.555
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
	Tổng cộng	94.704	83.438	85.555

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Hàng hóa	109.326	94.284	100.406
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
	Tổng cộng	109.326	94.284	100.406

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

11.1.8. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

❖ Theo báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
2	Đầu tư tài chính dài hạn (*)	13.500	7.584	7.784
-	Đầu tư vào công ty con	3.000	3.000	3.000
-	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10.500	10.500	10.500
-	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(6.116)	(6.116)
-	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	200	400
	Tổng cộng	13.500	7.584	7.784

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

(*) Theo thuyết minh tại mục 15 của BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020, chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
- Đầu tư vào Công ty con:			
Công ty TNHH MTV Comexim Chư Sê	3.000	3.000	3.000
- Đầu tư vào Công ty liên kết:			
Công ty TNHH TM Sài Gòn – Gia Lai	10.500	10.500	10.500
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:			
Công ty TNHH TM Sài Gòn – Gia Lai	-	(6.116)	(6.116)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:			
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	200	400
Tổng cộng	13.500	7.584	7.784

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng quý 3 năm 2020 của COMEXIM

❖ Theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
2	Đầu tư tài chính dài hạn	8.759	4.584	4.513
-	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.759	4.384	4.113
-	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	200	400
	Tổng cộng	8.759	4.584	4.513

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2020 của COMEXIM

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		Năm 2019	
		BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,10	1,10	1,12
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,49	0,45	0,48	0,45
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,71	0,68	0,69
+ Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,36	2,47	2,15	2,18
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	9,12	9,31	8,62	8,96
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	3,98	4,50	3,78	4,36
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ LNST/Doanh thu thuần	%	0,74	0,34	(0,32)	(0,06)
+ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,01	4,84	(3,91)	(0,89)
+ LNST/Tổng tài sản bình quân	%	2,94	1,55	(1,20)	(0,27)
+ LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	(1,02)	(1,44)	(1,60)	(1,47)

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2019 của COMEXIM

12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

⚡ Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 theo BCTC riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	44.929	22.399	49,85%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	30.051	18.476	61,48%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.582	2.707	21,51%
3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.296	1.217	52,99%
II	TSCĐ vô hình	15.753	14.120	89,64%
1	Phần mềm	297	253	85,18%
2	Quyền sử dụng đất	15.456	13.867	89,72%
Tổng cộng		60.682	36.519	60,18%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 của COMEXIM

⚡ Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	45.929	22.505	49,00%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	30.337	18.537	61,10%
2	Máy móc, thiết bị	268	45	16,72%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.027	2.707	20,78%
4	Dụng cụ quản lý	2.296	1.217	52,99%
II	TSCĐ vô hình	15.753	14.120	89,64%
1	Phần mềm	297	253	85,18%
2	Quyền sử dụng đất	15.456	13.867	89,72%
Tổng cộng		61.682	36.625	59,38%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của COMEXIM

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của CTCP Thương mại Gia Lai đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch kinh doanh năm 2020, cụ thể như sau.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	% (+/-) /2019	9T.2020 (*)	
					Giá trị	%KH
Vốn điều lệ		18.800	18.800	-	18.800	-
Doanh thu thuần	Tr.đồng	958.922	963.000	0,43%	681.594	70,78%
Lợi nhuận sau thuế		(586)	4.400	-	2.273	51,66%
Tỷ lệ LNST/DTT	%	(0,06%)	0,46%	-	0,33%	71,74%
Tỷ lệ LNST/VĐL	%	(3,12%)	23,40%	-	12,09%	51,67%
Tỷ lệ cổ tức (%)	%	12%	-	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 của COMEXIM.

(*) Sau làn sóng dịch bệnh viêm phổi do virus corona gây ra vào cuối năm 2019, nền kinh tế Việt Nam rơi vào khủng hoảng, đình trệ nghiêm trọng. Đầu năm 2020, dịch bệnh bùng phát lần thứ 2, làm suy giảm đáng kể những động lực tăng trưởng của Việt Nam, Comexim Gia Lai cũng không đứng ngoài bối cảnh chung đó. Trước tình hình diễn biến khó lường của dịch bệnh làm giảm nhu cầu tiêu dùng của người dân, một số ngành hàng chủ lực của Công ty như phân bón, dầu nhớt, xe máy, hàng tiêu dùng đều không đạt chỉ tiêu đề ra. Tính đến hết quý 3 năm 2020, Công ty đã nỗ lực hoàn thành 70,78% kế hoạch doanh thu thuần và 51,66% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm 2020.

13.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

➤ Giải pháp về kinh doanh

- Là một Công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, COMEXIM xác định quan điểm và định hướng phát triển trong lĩnh vực phân phối, tận dụng lợi thế về hệ thống phân phối và hệ thống thị trường sẵn có của Công ty.

- COMEXIM luôn đề cao chất lượng sản phẩm mà Công ty phân phối, hàng hóa và sản phẩm phải có xuất xứ rõ ràng, chất lượng cao, chế độ hậu mãi tốt, duy trì và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các nhà sản xuất, nhà cung ứng có uy tín với các sản phẩm đã được người tiêu dùng tin nhiệm, chiếm lĩnh thị phần lớn trên thị trường như Vinamilk, Interfood, Unilever,...
- Mặt hàng phân bón là mặt hàng chủ lực của Công ty, do đó COMEXIM ưu tiên tập trung phát triển mối quan hệ với các nhà phân phối chủ yếu như Công ty phân bón Việt Nhật, Công ty phân lân nung chảy Văn Điển, Công ty phân bón Bình Điền, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí,... Đối với phân bón nhập khẩu, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ quy định kiểm định về các lô hàng phân bón cập cảng trước khi dỡ hàng.
- Ngoài ra, Công ty luôn đẩy mạnh việc tìm kiếm bổ sung sản phẩm mới, chất lượng cao, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các nhà phân phối lớn, có uy tín, sản phẩm trong và ngoài nước.

➤ **Giải pháp về marketing**

- Công ty luôn chú trọng đầu tư cho hoạt động Marketing nhằm quảng bá hình ảnh của Công ty rộng rãi ra công chúng. COMEXIM đã và đang xây dựng, củng cố thương hiệu thông qua việc đảm bảo tốt yêu cầu, quy trình của nhà sản xuất trong việc phân phối sản phẩm, đồng thời đảm bảo việc cung cấp hàng hóa ra thị trường đầy đủ về chất lượng và số lượng.
- Ngoài ra, Công ty còn trang bị đồng phục cho người lao động ở bộ phận bán hàng, giao hàng, bộ phận quan hệ thị trường nhằm tăng khả năng nhận diện thương hiệu của người tiêu dùng đối với Công ty. Thông qua đội ngũ nhân viên bán hàng, Comexim đã xây dựng được trên 2.200 điểm bán hàng trên toàn tỉnh Gia Lai.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đã xây dựng website riêng, có logo và nhãn hiệu riêng được đăng ký tại cục Sở hữu trí tuệ.

➤ **Giải pháp về nguồn nhân lực**

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Chính sách đào tạo: Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo người lao động có mục tiêu phù hợp với chiến lược phát triển của từng thời kỳ của Công ty, trong đó ưu tiên và nhanh chóng đào tạo nâng cao năng lực quản lý, vận hành thiết bị.
 - Chính sách đãi ngộ: đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho các cán bộ công nhân viên, đảm bảo tính công bằng, công khai trong cơ chế lương thưởng, gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc, các chương trình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm y tế cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như chương trình phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động.
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch
- Không có.
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty
- Không có.
16. Các thông tin lưu ý về ý kiến của Kiểm toán viên đối với BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty
- Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Họ tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch HĐQT không điều hành
2	Ông Huỳnh Văn Phong	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông Hồ Lê Thanh Tâm	Thành viên HĐQT điều hành
4	Ông Lê Đức Duy	Thành viên HĐQT điều hành
5	Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Ông Phạm Kim Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành
7	Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên HĐQT không điều hành
8	Bà Trần Thị Hồng Thảo	Thành viên HĐQT không điều hành
Ban kiểm soát		
1	Ông Nguyễn Bá Khiêm	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lâm Thị Mỹ Dung	Thành viên Ban kiểm soát
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
1	Ông Lê Đức Duy	Tổng Giám đốc
2	Ông Huỳnh Văn Phong	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Hồ Lê Thanh Tâm	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông Nguyễn Thái Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Thái Bình
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 20/06/1953
 Nơi sinh: Bình Định
 CMND: 230007833, ngày cấp: 09/03/2016, nơi cấp: CA. Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Thị xã An Nhơn – Tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: 26 Lương Thạnh – Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 06/1975 -12/1989	Nhân viên, Trưởng phòng kế hoạch, Phó Giám đốc Công ty công nghệ phẩm Gia Lai;
+ 01/1990 – 03/1993	Phó Giám đốc, quyền Giám đốc Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 04/0993 – 12/2004	Giám đốc Công ty thương mại Gia Lai;
+ 01/2005 – 04/2018	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thương mại Gia Lai;
+ 05/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.
+ 01/2006 - nay	Thành viên HĐQT Công ty TNHH TM Sài Gòn – Gia Lai.

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH TM Sài Gòn – Gia Lai.

Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 167.302 cổ phiếu, chiếm 8,90%% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 167.302 cổ phiếu, chiếm 8,90%% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.2. Ông Lê Đức Duy – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lê Đức Duy

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/10/1961

Nơi sinh: Quảng Ngãi

CMND: 230297458, ngày cấp: 25/03/2011, nơi cấp: CA. Gia Lai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Huyện Mộ Đức – Tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 29 Kpaklon – Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 10/1981 – 01/1986	Nhân viên kế toán Công ty vật liệu xây dựng và chất đốt Gia Lai;
+ 01/1986 – 12/1989	Nhân viên kế toán Công ty công nghệ phẩm Gia Lai;
+ 01/1990 – 10/1993	Nhân viên kế toán Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 11/1993 – 05/1997	Phó phòng kế toán Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 06/1997 – 05/2001	Quyền kế toán trưởng Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 06/2001 – 12/2004	Kế toán trưởng Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/2005 – 06/2007	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;
+ 07/2007 – 04/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.
+ 05/2018 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 107.804 cổ phiếu, chiếm 5,73% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 107.804 cổ phiếu, chiếm 5,73% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.3. Ông Huỳnh Văn Phong – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Huỳnh Văn Phong

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1971

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

CMND: 230773666, ngày cấp: 20/02/2020, nơi cấp: CA. Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Thừa Thiên Huế
 Địa chỉ thường trú: 245 Tầng Bạt Hồ - Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Nông lâm

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 06/1995 – 06/1996	Nhân viên Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 07/1996 – 12/2000	Phó phòng kinh doanh Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/2001 – 12/2004	Trưởng phòng kinh doanh Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/2005 – 05/2013	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.
+ 06/2013 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.
+ 05/2018 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV COMEXIM Chư Sê.

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV COMEXIM Chư Sê
 Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 30.507 cổ phiếu, chiếm 1,62% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 30.507 cổ phiếu, chiếm 1,62% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.4. Ông Hồ Lê Thanh Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính

Họ và tên: Hồ Lê Thanh Tâm
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 01/09/1972

Nơi sinh: Bình Định
 CMND: 230918303, ngày cấp: 7/7/2008, nơi cấp: CA. Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Thị xã An Nhơn – Tỉnh Bình Định
 Địa chỉ thường trú: 13 Hoàng Quốc Việt – Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 08/1996 – 02/2004	Nhân viên kế toán Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 03/2004 – 12/2004	Phó phòng kế toán Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/2005 – 06/2007	Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;
+ 07/2007 – 03/2008	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;
+ 04/2008 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 7.635 cổ phiếu, chiếm 0,41% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 7.635 cổ phiếu, chiếm 0,41% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.5. Ông Phạm Kim Hùng – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Phạm Kim Hùng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/01/1955

Nơi sinh: Bình Định
 CMND: 230007771, ngày cấp: 27/11/2015, nơi cấp: CA Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Thị xã Hoà Nhơn – Tỉnh Bình Định
 Địa chỉ thường trú: 11 Trần Bội Cơ – Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 04/1972 - 04/1975	Nhân viên kế toán Cửa hàng K7 Gia Lai;
+ 05/1975 – 12/1980	Nhân viên kế toán Công ty công nghệ phẩm Gia Lai;
+ 01/1981 – 05/1987	Phó phòng kế toán Công ty công nghệ phẩm Gia Lai;
+ 06/1987 – 12/1989	Trưởng phòng kế toán Công ty công nghệ phẩm Gia Lai;
+ 01/1990 – 12/1991	Trưởng phòng kế toán Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/1992 – 05/1997	Kế toán trưởng Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 06/1997 – 12/2004	Phó giám đốc Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/2005 – 03/2016	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;
+ 04/2016 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 78.160 cổ phiếu, chiếm 4,16% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 78.160 cổ phiếu, chiếm 4,16% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.6. Ông Nguyễn Thanh Dương – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Thanh Dương

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/03/1959

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

CMND: 023068502, ngày cấp: 31/05/2007, nơi cấp: CA Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: TP.Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: Căn hộ Riviera Point tháp 3 nhà 22-02, số 02 Nguyễn Văn Trường, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước năm 1994	Công ty Tamexco (Tp.HCM);
+ 10/1994 – 12/2004	Giám đốc Chi nhánh Công ty Thương mại Gia Lai tại Tp.HCM;
+ 01/2005 – 08/2013	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;
+ 09/2013 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 140.028 cổ phiếu, chiếm 7,45% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 140.028 cổ phiếu, chiếm 7,45% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.7. Ông Lê Thanh Tùng – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Lê Thanh Tùng
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 10/03/1960
 Nơi sinh: Bình Định
 CMND: 230498475, ngày cấp: 02/08/2016, nơi cấp: CA . Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Huyện Tuy Phước – Tỉnh Bình Định
 Địa chỉ thường trú: Tổ 5– Phường Yên Thế-Tp.Pleiku Pleiku–Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
 Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 11/1984 – 12/1985	Nhân viên Công ty vật liệu xây dựng và chất đốt Gia Lai;
+ 01/1986 – 12/1989	Nhân viên Công ty công nghệ phẩm Gia Lai;
+ 01/1990 – 03/1993	Nhân viên Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 04/1993 – 12/1993	Phó cửa hàng kinh doanh xe máy Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/1994 – 12/2004	Trưởng cửa hàng kinh doanh xe máy Công ty Thương mại Gia Lai;
+ 01/2005 – 03/2020	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Chi nhánh Comexim 5 - Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;
+ 04/2020 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thương mại Gia Lai

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 32.943 cổ phiếu, chiếm 1,75% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 32.943 cổ phiếu, chiếm 1,75% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.8. Bà Trần Thị Hồng Thảo – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Trần Thị Hồng Thảo
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 04/10/1984
 Nơi sinh: Gia Lai
 CMND: 230639195, ngày cấp: 23/01/2017, nơi cấp: CA .Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Địa chỉ thường trú: 30B Trần Khánh Dư – Tp. Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân tin dụng doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 08/2010 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thương mại Gia Lai

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 50.247 cổ phiếu, chiếm 2,67% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 50.247 cổ phiếu, chiếm 2,67% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2. Ban kiểm soát**2.1. Ông Nguyễn Bá Khiêm – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: Nguyễn Bá Khiêm
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 17/02/1982
 Nơi sinh: Bình Định

CMND: 230578577, ngày cấp: 02/10/2015, nơi cấp: CA. Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Bình Định
 Địa chỉ thường trú: 175 Tầng Bạt Hồ - Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 08/2007 – 09/2008	Nhân viên kế toán Cửa hàng kinh doanh sữa – Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;
+ 10/2008 – 05/2011	Nhân viên Phòng kế toán tài chính – Công ty cổ phần thương mại Gia Lai;
+ 06/2011 – 02/2017	Phó Phòng kế toán tài chính – Công ty cổ phần thương mại Gia Lai;
+ 03/2017 – 06/2017	Phó Phòng hành chính – Công ty cổ phần thương mại Gia Lai;
+ 07/2017 - nay	Giám đốc nhân sự - Công ty cổ phần thương mại Gia Lai
+ 03/2017 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thương mại Gia Lai.

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc nhân sự
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 43.390 cổ phiếu, chiếm 2,31% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 43.390 cổ phiếu, chiếm 2,31% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.2. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 20/08/1986
 Nơi sinh: Nghệ An
 CMND: 230679529, ngày cấp: 09/05/2017, nơi cấp: CA. Gia Lai

Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Huyện Thanh Chương– Tỉnh Nghệ An
 Địa chỉ thường trú: 16 Phù Đổng – Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 03/2009 – 03/2016	Nhân viên Phòng kinh doanh – CTCP thương mại Gia Lai;
+ 04/2016 - nay	Phó Phòng kinh doanh – Công ty cổ phần thương mại Gia Lai.
+ 03/2017 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP thương mại Gia Lai.

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS kiêm Phó Phòng kinh doanh.
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.3. Bà Lâm Thị Mỹ Dung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Lâm Thị Mỹ Dung
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 14/08/1982
 Nơi sinh: Gia Lai
 CMND: 230611014, ngày cấp: 22/07/2013, nơi cấp: CA. Gia Lai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Huyện Phù Mỹ – Tỉnh Bình Định
 Địa chỉ thường trú: 50/1/38/8 Lê Đại Hành – Tp.Pleiku – Tỉnh Gia Lai
 Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 04/2015 – 09/2015	Nhân viên Phòng kinh doanh – CTCP thương mại Gia Lai;
+ 10/2015 – 05/2016	Giám sát bán hàng Chi nhánh Comexim 5 – CTCP thương mại Gia Lai;
+ 6/2016 – 10/2017;	Giám sát bán hàng Chi nhánh Comexim 7 – CTCP thương mại Gia Lai;
+ 11/2017 – nay	Giám sát ngành hàng Chi nhánh Comexim 1 – CTCP thương mại Gia Lai.
+ 04/2019 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát - CTCP Thương mại Gia Lai.

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 31/08/2020: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Ông Lê Đức Duy – Tổng Giám đốc: xem Phần II, mục 1.2

3.2. Ông Huỳnh Văn Phong - Phó Tổng giám đốc: xem Phần II, mục 1.3

3.3. Ông Hồ Lê Thanh Tâm - Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính: xem Phần II, mục 1.4

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để củng cố và tăng cường năng lực quản trị tại Công ty, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức và ban hành các quy chế như Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

Đối với hoạt động công bố thông tin, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

Về cơ cấu Hội đồng quản trị, Công ty đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Trong đó, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và Công ty có 5 thành viên HĐQT không điều hành trong tổng số 8 thành viên HĐQT.

Về cơ cấu Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát của công ty chưa phải là kế toán viên hay kiểm toán viên chuyên nghiệp, đồng thời một số thành viên Ban kiểm soát đang kiêm nhiệm chức vụ quản lý trong Công ty. Do vậy công ty cam kết kiện toàn lại Cơ cấu Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

- Trụ sở chính: Tầng 1-2-3-4, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM.
- Điện thoại : (028) 6299 2006 Fax: (028) 6291 7986
- Website : www.vdsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

- Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : (0236) 3655 886 Fax: (0236) 3655 887
- Website : www.aac.com.vn

IV. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. **Phụ lục II:** BCTC kiểm toán năm 2019 và Báo cáo tài chính quý 2 và quý 3 năm 2020 (riêng và hợp nhất).

Gia Lai, ngày 16 tháng 11 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THÁI BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIẾU